TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 630/2020/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 25 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 873/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phùng Vương Q, sinh năm 1985; nơi thường trú: Khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bà Nguyễn Thị Hòa A, sinh năm 1985; nơi thường trú: Khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Vương Q và bà Nguyễn Thị Hòa A tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30/2011, quyển số 01/2011 ngày 09/3/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Trong thời gian mâu thuẫn ông Q, bà A đã nhiều lần nói chuyện để hòa giải nhưng không hòa hợp được, cả hai đã sống riêng từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay ông Q và bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q, bà A thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống, ông Q, bà A có 02 người con chung tên Phùng Ngọc N, sinh ngày 23/7/2011 và Phùng Cát T, sinh ngày 22/3/2015. Sau khi ly hôn, ông Q, bà A thỏa thuận: Bà Nguyễn Thị Hòa A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phùng Vương Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai người con chung, mỗi người con cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Phùng Vương Q và bà Nguyễn Thị Hòa A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phùng Vương Q và bà Nguyễn Thị Hòa A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hòa A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Phùng Ngọc N, sinh ngày 23/7/2011 và Phùng Cát T, sinh ngày 22/3/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phùng Vương Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai người con chung, mỗi người con cấp dưỡng số tiền 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng trên một tháng). Bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phùng Vương Q và bà Nguyễn Thị Hòa A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0047073 ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Phòng Tư pháp thành phố T;
- UBND phường G, thành phố T, tỉnh Bình Dương, (theo CNKH số 30/2011, quyển số 01/2011 ngày 09/3/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Ánh